TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 22-4-2019
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018, tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh S; Sinh năm 1973; "có mặt"

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B1, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Thanh C; Sinh năm 1971; "vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị Nguyễn H V; Sinh năm 1963; "vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Nguyễn Thanh T; Sinh năm 1976; "vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim P; Sinh năm 1965; "có mặt"

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị Kim C1; Sinh năm 1967; "có mặt"

Địa chỉ: Ấp C1, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Nguyễn Thanh H; Sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp cho chị H: Anh Nguyễn Thanh S; Sinh năm 1973 (theo văn bản ủy quyền ngày 10-01-2019). "có mặt"

4. Ông Trần Xuân T; Sinh năm 1963. "vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

5. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1993. "vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp B2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

6. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh.

Địa chỉ: Số 247, đường 30/4, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Lê Nguyên Khôi – Cán bộ xử lý nợ, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền số: 762/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 26-5-2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-8-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thanh S trình bày:

Cha anh tên Nguyễn Văn D (chết năm 1987), mẹ tên Lê Thị V (chết ngày 25-9-2017). Cha mẹ anh có tất cả 07 người con gồm: Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Kim C1, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh H. Ông D và bà V không có con nuôi, con riêng và cha mẹ nuôi. Cha mẹ ruột của ông D và bà V đều đã chết. Cha mẹ anh chết không để lại di chúc. Khi còn sống, ông D, bà V có tạo lập được các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 1.441,9 m^2 (21,91m ngang), thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 49, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 do bà Lê Thị V đứng tên.

- Quyền sử dụng đất diện tích 9.261 m^2, thuộc thửa 265, tờ bản đồ số 49, tại: ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00699/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 do bà Lê Thị V đứng tên.

Khi bà V còn sống, đã chia tài sản cho các con, người được chia đất, người được chia bằng tiền, riêng chị Nguyễn Hồng V được bà V chia cho 02 m ngang đất nằm trong diện tích đất 1.441,9 m^2 nêu trên. Vào năm 2011, chị V chuyển nhượng lại phần đất này cho anh nhưng cho đến nay anh chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất có diện tích 545 m^2, số thửa cũ là 172, thửa mới là thửa 171, tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất thì phần đất này do mẹ anh kê khai, đăng ký nhưng anh xác định mẹ anh đã chuyển nhượng cho anh Trần Xuân T. Anh T sử dụng đến nay đã hơn 20 năm nên anh không tranh chấp.

Vào năm 2017, bà V đã ký hợp đồng thế chấp cả 02 phần đất trên để bảo lãnh cho vợ chồng chị Nguyễn Thanh H và anh Huỳnh Tấn O vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh. Ngày 17-8-2018, đến hạn trả nợ nhưng chị H, anh O không có tiền trả, vì sợ ngân hàng phát mãi hai phần đất trên, nên ngày 23-8-2018 anh đã trả thay cho vợ chồng chị H số tiền trên. Tuy nhiên, do chị V, chị T và anh C không chịu ký tên nên Ngân hàng không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh.

Nay anh yêu cầu được quyền sử dụng 02 m ngang đất mà chị V đã chuyển nhượng cho anh vào năm 2011. Đối với diện tích đất còn lại 19,91 m ngang đất mặt tiền và 9.261 m^2, anh yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng, anh đã trả cho Ngân hàng Công thương Việt Nam, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng yêu cầu Ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh.

Bị đơn, anh Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thanh T trình bày: Anh, chị thống nhất với lời trình bày của anh S về quan hệ huyết thống và khối di sản thừa kế do ông D và bà V đã để lại.

Đối với 02 m ngang đất nằm trong diện tích đất 1.441,9 m^2 (21,91 m ngang) do bà V đứng tên quyền sử dụng đất, anh C, chị V và chị T đều xác nhận bà V đã tặng cho chị V. Năm 2011, chị V chuyển nhượng lại phần đất này cho anh S nhưng anh S chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh, chị đồng ý giao phần đất này cho anh S được quyền sử dụng. Đối với diện tích đất còn lại 19,91 m ngang và 9.261 m^2, anh C yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 10 năm 2018, chị T và chị V yêu cầu chia di sản thừa kế thành 03 phần, một phần cho anh S, 01 phần cho anh C, còn phần còn lại để dùng vào việc thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị C1, chị P và chị H thống nhất trình bày: Các chị thống nhất với lời trình bày và có cùng yêu cầu với anh

S, đồng ý giao 02 m ngang đất nằm trong diện tích đất 1.441,9 m^2 (21,91 m ngang) cho anh S được quyền sử dụng, đối với phần di sản còn lại của bà V, các chị yêu cầu chia làm 07 phần, mỗi người thừa kế hưởng một phần, riêng phần của các chị được hưởng các chị để lại cho anh S được quyền sử dụng.

Ông Trần Xuân T trình bày: Vào khoảng năm 1994, ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Lê Thị V, phần đất diện tích 545 m^2, thửa 171, tờ bản đồ số 34 là một phần trong diện tích đất ông đã nhận chuyển nhượng của bà V. Khi ông nhận chuyển nhượng đất của bà V, có bà V và các con bà V là anh S và anh C chỉ ranh và sau đó đắp bờ ranh đất để phân biệt đất của ông và đất bà V. Bờ ranh này hiện nay vẫn còn. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông trồng lúa và sau đó trồng cao su cho đến nay. Trong suốt quá trình ông sử dụng đất, bà V cũng như các con bà V không ai tranh chấp. Do các con bà V chỉ yêu cầu chia diện tích đất 1.441,9 m^2 và 9.261 m^2, không liên quan đến diện tích đất ông đang sử dụng nên ông không có ý kiến. Đối với phần diện tích 545 m^2 nêu trên giữa ông và các con bà V sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Vào năm 2013, chị có xây một tiệm uốn tóc (nhà cấp 4C) trên đất của bà V. Lúc xây, chị có hỏi ý kiến của bà V và đã được bà đồng ý. Nay mẹ chị và các cô, các cậu yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất này, chị không có ý kiến. Phần đất có tiệm uốn tóc của chị được chia cho ai thì chị đồng ý giao căn nhà chị đã xây cho người đó sử dụng. Chị không tranh chấp cũng không yêu cầu thanh toán giá trị nhà.

Đại diện Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trình bày: Ngày 17-8-2017, bà Lê Thị V có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để bảo lãnh cho anh Huỳnh Tấn O vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam số tiền 420.000.000 đồng. Ngày 23-8-2018, anh O đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng do bên thế chấp là bà V đã chết, nhưng gia đình bà V chưa thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật nên Ngân hàng chưa xuất trả tài sản cho bên vay. Nay Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng vay nói trên và sẽ trả lại tài sản thế chấp khi có quyết định về việc phân chia di sản thừa kế của bà V.

Tại phiên tòa:

Anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông D, bà V để lại theo quy định của pháp luật.

Chị P, chị C1 yêu cầu chia thừa kế của ông D và V theo quy định của pháp luật. Đối với phần tài sản các chị được chia, các chị giao cho anh S được quyền sở hữu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm giải quyết vụ án thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 612, 614, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S, chia khối di sản của ông D, bà V thành 07 phần. Ghi nhận anh S được hưởng 02 m ngang đất do nhận chuyển nhượng từ chị V chưa tách giấy đỏ, có giá là 80.000.000 đồng. Ghi nhận chị P, chị C1 và chị H giao phần di sản các chị được hưởng cho anh S. Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, anh Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Đối với ông Trần Xuân T, chị Nguyễn Thị Hồng N và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông T, chị N và Ngân hàng.

[2] Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị V là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân tạo dựng được 02 khối tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 1.441,9 m^2 (21,91m ngang), trong đó có 300 m^2 đất ở và 1.141,9 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa 532 (thửa cũ là 127), tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 do bà Lê Thị V đứng tên. Theo kết quả định giá ngày 26-12-2018, quyền sử dụng đất này có giá là 876.400.000 đồng. Anh S, anh C, chị V, chị T, chị C1, chị P và chị H đều xác nhận, trong diện tích đất này, khi còn sống, bà V đã tặng cho chị V 02 m ngang, dài hết đất. Năm 2011, chị V chuyển nhượng lại cho anh S. Nay các anh chị đồng ý giao 02 m ngang đất này cho anh S được quyền sử dụng. Như vậy, phần đất của ông D, bà V còn lại là 19.91m ngang, có giá là 796.400.000 đồng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 9.261 m^2, thuộc thửa 533 (thửa cũ 265), tờ bản đồ số 34, tại: ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00699/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 do bà Lê Thị V đứng tên. Theo kết quả định giá ngày 26-12-2018 phần đất này có giá là 555.660.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất của ông D và bà V còn lại là 1.352.060.000 đồng.

[2.2] Ông D chết năm 1987, bà V chết năm 2017. Ông D, bà V chết không để lại di chúc. Năm 2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nên căn cứ quy định tại điểm b mục 10 Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19-10-1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế và khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu.

[2.3] Cha mẹ ông D, bà V đều đã chết. Ông D, bà V không có con nuôi, con riêng nên hàng thừa kế thứ nhất của ông D, bà V có 07 người, gồm: chị Nguyễn Hồng V, chị Nguyễn Thị Kim P, chị Nguyễn Thị Kim C1, anh Nguyễn Thanh C, anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thanh H. Như vậy, giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là: 1.352.060.000 đồng : 7 = 193.151.428 đồng. Chị P, chị C1 và chị H nhường kỷ phần của mình cho anh S, nên giá trị tài sản anh S được chia là 772.605.712 đồng. Anh C, chị V và chị T mỗi người sẽ được nhận phần tài sản tương ứng với kỷ phần thừa kế là 193.151.428 đồng.

[2.4] Về chia hiện vật:

Anh Nguyễn Thanh S được chia 04 m ngang, dài hết đất. Ngoài ra, anh S được quyền sử dụng 02 m ngang đất do nhận chuyển nhượng từ chị V, nên anh S được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 362,5 m^2 (tương đương 06 m ngang đất mặt tiền đường nhựa), trong đó có 80 m^2 đất ở nông thôn và 282.5 m^2 là đất trồng cây hàng năm khác. Đất thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh S được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm nhà cấp 4C, cây trồng và vật kiến trúc khác. Ngoài ra, anh S còn được quyền sử dụng phần đất diện tích 9.261 m^2, thuộc thửa 533, tờ bản đồ số 34. Như vậy, giá trị phần hiện vật anh S được chia thừa kế là: 4 x 40.000.000 đồng + 555.660.000 đồng = 715.660.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh C được quyền sử dụng phần đất diện tích 394.5 m^2 (tương đương 5,91 m ngang đất mặt tiền đường nhựa), trong đó có 80 m^2 đất ở và 314,5 m^2 là đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34, trên đất có căn nhà cấp 4A của anh C. Phần hiện vật anh C được chia có giá là 5,91 x 40.000.000 đồng = 236.400.000 đồng. Do giá trị hiện vật anh C được chia lớn hơn kỷ phần thừa kế được hưởng nên anh C có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh S giá trị phần chênh lệch là 43.248.572 đồng.

Chị Nguyễn Hồng V được quyền sử dụng phần đất có diện tích 337,5 m^2 (tương đương 05 m ngang đất mặt tiền đường nhựa), trong đó có 70 m^2 đất ở và 267,5 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34.

Chị Nguyễn Thanh T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 347,4 m^2 (tương đương 05m ngang đất mặt tiền đường nhựa), trong đó có 70 m^2 đất ở và 277,4 m^2 đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34.

Như vậy, phần hiện vật chị V và chị T được chia có giá trị là 5 x 40.000.000 đồng = 200.000.000 đồng. Do đó, cần buộc chị V và chị T mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh S phần chênh lệch so với kỷ phần thừa kế được hưởng là 6.848.572 đồng.

[2.5] Đối với diện tích đất 545 m^2, thửa 171, tờ bản đồ số 34, các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[2.6] Anh S được chia quyền sử dụng đất có căn nhà cấp 4C của chị N, tuy nhiên chị N không yêu cầu anh S phải thanh toán giá trị căn nhà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.7] Năm 2017, bà V có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Công Thương để cho anh Huỳnh Tấn O vay số tiền 420.000.000 đồng. Ngân hàng cũng xác định, anh O đã thanh toán số tiền vay xong, do đó cần buộc Ngân hàng trả cho anh S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00699/656/2005/QĐ-CT HL do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-10-2005 và trả cho anh S, anh C, chị V và chị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-10-2005 để anh S, anh C, chị V và chị T làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định của bản án này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 34.904.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 9.657.500 đồng theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 2.664.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Anh Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 665.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Dân sự. Do anh S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên căn cứ khoản 2 Điều 158 và khoản 2 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc chị V, anh C và chị T mỗi người phải hoàn trả cho anh S số tiền 665.000 đồng (sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b mục 10 Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19-10-1990 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S về việc chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị V theo pháp luật.

2. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị V cho anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Hồng V, chị Nguyễn Thị Kim P, chị Nguyễn Thị Kim C1, anh Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thanh H mỗi người được hưởng phần di sản có giá trị là 193.151.428 đồng (một trăm chín mươi ba triệu một trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng). Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim P, chị Nguyễn Thị Kim C1 và chị Nguyễn Thanh H giao phần thừa kế được chia cho anh Nguyễn Thanh S được quyền sở hữu.

3. Về chia hiện vật:

Anh Nguyễn Thanh S được quyền sử dụng diện tích đất 362,5 m^2 (trong đó có 80 m^2 đất ở nông thôn và 282,5 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Đất thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 (*có sơ đồ kèm theo*). Anh S được quyền sử dụng diện tích đất 9.261 m^2 (đất trồng cây hàng năm khác), thuộc thửa 533, tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00699/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 (*có sơ đồ kèm theo*).

Chị Nguyễn Hồng V được quyền sử dụng diện tích đất 337,5 m^2 (trong đó có 70 m^2 đất ở nông thôn và 267,5 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Đất thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 (*có sơ đồ kèm theo*).

Chị Nguyễn Thanh T được quyền sử dụng diện tích đất 347,4 m^2 (trong đó có 70 m^2 đất ở nông thôn và 277,4 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Đất thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 (*có sơ đồ kèm theo*).

Anh Nguyễn Thanh C được quyền sử dụng diện tích đất 394,5 m^2 (trong đó có 80 m^2 đất ở nông thôn và 314,5 m^2 đất trồng cây hàng năm khác) và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Đất thuộc thửa 532, tờ bản đồ số 34, tại ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL ngày 12-10-2005 (*có sơ đồ kèm theo*).

Buộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00699/656/2005/QĐ-CT HL do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-10-2005 cho anh Nguyễn Thanh S và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00698/656/2005/QĐ-CT HL do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-10-2005 cho anh S, anh C, chị V và chị T.

Anh S, anh C, chị V và chị T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định của bản án này.

4. Về thanh toán giá trị chênh lệch:

Anh Nguyễn Thanh C có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Thanh S số tiền 43.248.572 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng).

Chị Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thanh T mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Thanh S số tiền 6.848.572 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 34.904.000 đồng, khấu trừ 2.347.625 đồng tiền tạm ứng anh S đã nộp theo biên lai thu số 0018938 ngày 29-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh S còn phải nộp tiếp số tiền 32.556.375 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Anh Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 9.657.500 đồng (chín triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Về chi phí tố tụng khác: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 2.664.000 đồng. Anh Nguyễn Thanh C, chị Nguyễn Hồng V và chị Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 665.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do anh S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên anh C, chị V và chị T mỗi người có trách nhiệm thanh toán lại cho anh S số tiền 665.000 đồng (sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành

xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Linh **Thái Văn Lộc** **Phan Thị Phương**